

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH ĐHCĐ NĂM 2018

Phụ lục 10

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐỢT 1 HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUI NĂM 2018

ĐÀO TẠO TẠI CƠ SỞ II TP. HỒ CHÍ MINH (DLS) - NGÀNH KINH TẾ (7310101)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1766/QĐ-HDTSĐHCĐ2018 ngày 13/8/2018 của Chủ tịch HĐTSĐHCĐ2018 Trường Đại học Lao động - Xã hội)

TT	Số giấy bảo TT	SBD	Họ tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	Điểm ĐTƯT	Điểm KVƯT	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm thi	Điểm xét tuyển sinh	Nguyên vọng TT
1	597	38009325	ĐINH THANH TÙNG	251200754	10/09/2000	Nam	0.75	0	A00	17.95	18.7	NV2
2	569	02006750	LÊ THỦY KHÁNH NGÂN	079300005706	28/08/2000	Nữ	0	0	D01	18.45	18.45	NV1
3	548	02037688	BÙI VĂN BÁCH	125852832	12/07/2000	Nam	0	0	A00	17.15	17.15	NV3
4	583	46000507	TRƯƠNG LIÊN PHÚC	072300004317	16/11/2000	Nữ	0.25	0	A00	16.9	17.15	NV1
5	603	48019643	NGUYỄN THỊ XUYẾN	272755922	05/11/2000	Nữ	0.75	0	D01	16.4	17.15	NV1
6	590	02054785	TRẦN THỊ THU THẢO	079300004059	08/05/2000	Nữ	0.25	0	D01	16.75	17	NV1
7	587	37015344	TRẦN THỊ THẨM	215495210	14/02/2000	Nữ	0.5	0	D01	16	16.5	NV4
8	549	02056138	TRẦN THANH BÌNH	025971968	11/04/2000	Nữ	0.25	0	D01	15.95	16.2	NV1
9	555	04010463	HỒ THỊ HỒNG HÀ	201748907	01/02/1998	Nữ	0	0	D01	15.85	15.85	NV2
10	584	48005057	TẠ MINH QUÂN	272797608	26/08/2000	Nam	0.25	0	D01	15.5	15.75	NV3
11	601	35007448	BÙI THỊ THÚY VY	212465562	26/03/2000	Nữ	0.5	0	A00	15.25	15.75	NV2
12	563	40012515	PHAN THỊ KIM LẠC	241865867	16/11/2000	Nữ	0.75	0	D01	14.9	15.65	NV2
13	577	35008812	LÊ THỊ YẾN NHI	212818524	08/09/2000	Nữ	0.75	0	D01	14.9	15.65	NV3
14	560	38009064	TRƯƠNG TẤN HUY	231316296	10/10/2000	Nam	0.75	0	A00	14.8	15.55	NV2
15	562	02029859	LÊ NGỌC BẢO KHANH	025990282	29/06/2000	Nữ	0	0	D01	15.4	15.4	NV1
16	575	35007269	LƯƠNG THỊ THU NGUYỆT	212465448	10/10/2000	Nữ	0.5	0	A01	14.9	15.4	NV2
17	576	02030930	LÂM ĐÌNH NHÂN	026038704	24/05/2000	Nam	0	0	A01	15.35	15.35	NV1
18	578	02057553	LÊ NGỌC QUỲNH NHƯ	026011188	13/02/2000	Nữ	0.25	0	D01	15	15.25	NV3
19	566	02056277	NGUYỄN PHAN ĐÌNH LONG	079200010368	14/11/2000	Nam	0.25	0	D01	14.95	15.2	NV2
20	572	28032348	LƯƠNG THỊ NGỌC	038300017472	12/09/2000	Nữ	0.5	0	D01	14.65	15.15	NV5
21	598	02038994	NGUYỄN PHƯƠNG VÂN	025975323	17/07/2000	Nữ	0	0	D01	15.15	15.15	NV2
22	567	02036599	BÙI HOÀNG MỸ	026058125	20/02/2000	Nữ	0	0	A00	15.1	15.1	NV2
23	579	45000472	NGUYỄN PHAN Ý NHƯ	264531889	18/08/2000	Nữ	0.25	0	A01	14.85	15.1	NV2
24	591	40003478	HOÀNG THỊ THU THÚY	241765123	02/12/2000	Nữ	0.75	0	A00	14.2	14.95	NV1
25	592	02022169	ĐỖ CÔNG TOẠI	026033609	02/12/2000	Nam	0	0	A01	14.95	14.95	NV1
26	594	02036941	ĐẶNG THỊ THÙY TRANG	079300011520	16/11/2000	Nữ	0	0	D01	14.9	14.9	NV4
27	561	50010575	ĐẶNG THỊ THÚY HUỖNH	342047600	02/10/2000	Nữ	0.5	0	D01	14.3	14.8	NV3

TT	Số giấy bảo TT	SBD	Họ tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	Điểm ĐTU'T	Điểm KVU'T	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm thi	Điểm xét tuyển sinh	Nguyệt vọng T
28	585	02057837	TRẦN NHƯ QUỲNH	025994715	20/08/2000	Nữ	0.25	0	D01	14.55	14.8	NV2
29	564	61003601	ĐỖ TUYẾT LINH	381896959	26/10/2000	Nữ	0.75	0	A00	13.95	14.7	NV1
30	596	45003443	LÊ THỊ KIM TRÚC	264539295	02/05/2000	Nữ	0.5	0	D01	14.2	14.7	NV2
31	565	52003995	DƯƠNG NGUYỄN HOA LONG	077300002176	01/02/2000	Nữ	0.25	0	D01	14.3	14.55	NV2
32	589	02036856	QUÁCH THỊ MINH THẢO	026019327	04/10/2000	Nữ	0	0	D01	14.5	14.5	NV1
33	574	02073542	HỒ HỒNG NGỰ	025767879	06/02/1998	Nam	0	0	A00	14.45	14.45	NV2
34	580	02030043	PHẠM THỊ HUỲNH NHƯ	025995539	29/09/2000	Nữ	0	0	D01	14.45	14.45	NV2
35	582	02057571	NGUYỄN THỊ HOÀNG OANH	026010699	26/09/2000	Nữ	0.25	0	A00	14.2	14.45	NV4
36	550	37004697	LÊ NGUYỄN HUỲNH ĐỨC	215492004	29/09/2000	Nam	0.5	0	A00	13.85	14.35	NV1
37	593	02031421	LÝ PHƯƠNG TRÂM	026044747	20/04/2000	Nữ	0	0	D01	14.3	14.3	NV2
38	547	02030464	ĐẶNG MINH ÁNH	026034567	14/03/2000	Nữ	0	0	D01	14.25	14.25	NV3
39	559	02057233	NGUYỄN CAO HOÀNG	026045936	06/07/2000	Nam	0.25	0	D01	13.9	14.15	NV2

Danh sách này có 39 thí sinh./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH ĐHCĐ NĂM 2018

Phụ lục 11

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐỢT 1 HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUI NĂM 2018

ĐÀO TẠO TẠI CƠ SỞ II TP. HỒ CHÍ MINH (ĐLS) - NGÀNH TÂM LÝ (7310401)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1766/QĐ-HDTSĐHCĐ2018 ngày 13/8/2018 của Chủ tịch HĐTSĐHCĐ2018 Trường Đại học Lao động - Xã hội)

TT	Số giấy báo TT	SBD	Họ tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	Điểm ĐTU'T	Điểm KVU'T	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm thi	Điểm xét tuyển sinh	Nguyên vọng TT
1	1509	50010338	NGUYỄN THỊ ANH THƯ	342050919	20/04/2000	Nữ	0.5	0	C00	21.75	21.75	NV2
2	1520	42007062	BÙI THỦY TRANG	251226870	28/01/2000	Nữ	0.75	0	C00	21.5	21.75	NV1
3	1531	61009066	NGUYỄN THỦY VY	381977616	01/01/2000	Nữ	0.75	0	C00	21.25	21.5	NV1
4	1471	38001780	NÔNG THỊ NGUYỆT	231234849	02/10/2000	Nữ	0.75	2	D01	18.15	20.9	NV2
5	1458	49002183	PHẠM NGỌC LĨNH	301695307	17/04/2000	Nam	0.75	0	C00	19.5	19.75	NV2
6	1526	37008628	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG UYÊN	215503388	24/06/2000	Nữ	0.75	0	C00	19.25	19.5	NV1
7	1461	47001873	DỤNG THỊ MỸ MƠ	261424128	20/05/2000	Nữ	0.75	2	C00	16.75	19	NV4
8	1419	02009858	HỨA GIA ANH	026010510	13/12/2000	Nữ	0	0	C00	19.25	18.75	NV2
9	1453	56008521	ĐỖ THỊ MỘNG KIỀU	321708669	24/09/2000	Nữ	0.5	0	C00	18.75	18.75	NV2
10	1528	02039011	PHẠM HIỂN VINH	352594275	16/03/2000	Nam	0	0	D01	18.75	18.75	NV2
11	1529	02034492	NGÔ NGỌC TỬ VY	025977643	04/08/2000	Nữ	0	0	C00	19.25	18.75	NV6
12	1441	40004585	TRẦN THỊ HẠNH	241733685	26/07/2000	Nữ	0.75	0	C00	18.25	18.5	NV2
13	1449	02051978	TRẦN THỊ THU HỒNG	025793408	02/01/2000	Nữ	0.25	0	C00	18.75	18.5	NV1
14	1484	29026163	NGUYỄN TRẦN THANH PHÚC	079200012428	29/05/2000	Nam	0.25	0	C00	18.75	18.5	NV1
15	1507	02007277	TRẦN PHÚC THỊNH	079200003063	08/06/2000	Nam	0	0	C00	19	18.5	NV2
16	1532	61009135	NGUYỄN ĐẶNG ĐÔNG XUÂN	381896920	24/11/2000	Nam	0.75	0	C00	18.25	18.5	NV3
17	1513	02058535	NGUYỄN THỊ THANH THÚY	052300000019	30/03/2000	Nữ	0.25	0	D01	18	18.25	NV2
18	1473	47006526	CAO VÕ KIỀU NHI	261578674	05/04/2000	Nữ	0.25	0	C00	18	17.75	NV3
19	1501	02054773	TRẦN XUÂN THANH	079200011884	10/08/2000	Nam	0.25	0	C00	18	17.75	NV1
20	1515	02027219	ÃU THỊ THU THỦY	070300000053	02/02/2000	Nữ	0	0	A00	17.55	17.55	NV1
21	1426	02065545	HUỖNH NGUYỄN THANH BÌNH	079200007478	29/11/2000	Nam	0	0	C00	18	17.5	NV2
22	1493	02038610	PHẠM THÁI TÀI	025967659	06/08/2000	Nam	0	0	C00	18	17.5	NV3
23	1494	49007336	TRẦN THANH TÀI	301678665	18/03/2000	Nam	0.5	0	C00	17.5	17.5	NV3
24	1452	02053347	NGUYỄN TRUNG KIÊN	026014250	05/08/2000	Nam	0.25	0	D01	17	17.25	NV2
25	1468	63004423	NGUYỄN MINH NGUYỄN	241802706	21/02/2000	Nam	0.75	0	C00	17	17.25	NV1
26	1481	56002575	TRẦN THỊ QUỲNH NHƯ	321603568	08/02/2000	Nữ	0.5	0	C00	17.25	17.25	NV2

TT	Số giấy báo TT	SBD	Họ tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	Điểm ĐTUT	Điểm KVUT	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm thi	Điểm xét tuyển sinh	Nguyên vọng TT
27	1523	02033503	NGUYỄN LÊ THANH TRÚC	025976556	24/04/2000	Nữ	0	0	D01	17.2	17.2	NV1
28	1420	35008473	LÊ QUỐC ANH	212813131	24/07/2000	Nam	0.5	0	C00	17	17	NV3
29	1469	02073537	NGUYỄN PHÚC TRUNG NGUYỄN	079200003411	06/09/2000	Nam	0	0	C00	17.5	17	NV1
30	1508	53012733	PHAN THỊ BÍCH THU	312414758	08/02/2000	Nữ	0.75	0	C00	16.75	17	NV1
31	1516	02010337	PHẠM HÀ TIỀN	206239381	07/10/2000	Nữ	0	0	C00	17.5	17	NV2
32	1437	31002584	DƯƠNG THỊ HÀ	194647002	06/04/1998	Nữ	0.5	0	D01	16.35	16.85	NV1
33	1524	43006440	NGUYỄN VĂN TÚ	285781616	15/08/1998	Nam	0.75	0	A00	16.1	16.85	NV1
34	1510	48008785	PHAN MINH THƯ	272804112	29/01/2000	Nữ	0.25	1	C00	16	16.75	NV2
35	1432	49006853	VÕ THỊ TRÚC ĐÀO	301742759	01/08/2000	Nữ	0.5	0	C00	16.5	16.5	NV1
36	1436	49003173	PHẠM THỦY DƯƠNG	301719982	29/02/2000	Nữ	0.25	0	C00	16.75	16.5	NV1
37	1460	56001143	NGUYỄN NGỌC LONG	321610313	18/05/2000	Nam	0.25	0	C00	16.75	16.5	NV1
38	1472	02027070	TRẦN TÍN NHÂN	079200009825	18/09/2000	Nam	0	2	C00	15	16.5	NV2
39	1492	02078094	LÊ TÂN TÀI	301765434	11/02/2000	Nam	0	0	C00	17	16.5	NV2
40	1504	47000670	MAI THỊ THU THẢO	261545059	28/08/2000	Nữ	0.25	0	C00	16.75	16.5	NV4
41	1423	02036972	TRẦN HOÀNG ANH	025997029	22/08/2000	Nữ	0	0	D01	16.4	16.4	NV1
42	1490	29011894	NGUYỄN VĂN QUYÊN	187802833	31/10/2000	Nam	0.5	0	D01	15.85	16.35	NV1
43	1467	53010168	TRẦN THỊ KIM NGỌC	312431984	27/12/2000	Nữ	0.5	0	C00	16.25	16.25	NV3
44	1475	02012419	NGUYỄN THỊ TUYẾT NHI	301683963	22/08/2000	Nữ	0	0	A00	16.25	16.25	NV1
45	1459	02055906	NGUYỄN THỊ KIM LỘC	026037381	06/09/2000	Nữ	0.25	0	A00	15.8	16.05	NV1
46	1428	02075106	LÊ THỊ KIM CHI	301738414	18/02/2000	Nữ	0	0	C00	16.5	16	NV1
47	1476	46005576	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	072300003485	24/11/2000	Nữ	0.75	0	C00	15.75	16	NV1
48	1497	02053554	NGÔ QUỐC THÁI	026014408	15/02/2000	Nam	0.25	0	C00	16.25	16	NV2
49	1502	02056510	LÂM KIM THÀNH	079200004543	09/12/2000	Nam	0.25	0	C00	16.25	16	NV2
50	1527	02050898	ĐINH THỊ HỒNG VÂN	026009039	01/06/2000	Nữ	0.25	0	C00	16.25	16	NV1
51	1429	53004792	BÙI HOÀI CHƯƠN	312476287	12/11/2000	Nam	0.5	0	A00	15.45	15.95	NV1
52	1425	46008489	CAO THANH BÌNH	291145431	24/10/1998	Nam	0.75	0	C00	15.5	15.75	NV1
53	1480	02073579	TRẦN HUỖNH NHƯ	026011855	07/06/2000	Nữ	0	0	C00	16.25	15.75	NV1
54	1483	02075406	TRẦN VĂN NỘI	187850581	10/05/1999	Nam	0	0	C00	16.25	15.75	NV1
55	1511	42004319	ĐẶNG THỊ XUÂN THƯƠNG	251261041	21/10/2000	Nữ	0.75	0	C00	15.5	15.75	NV1
56	1450	02030715	TRẦN PHAN LÊ HƯƠNG	026011767	27/10/2000	Nữ	0	0	D01	15.65	15.65	NV3
57	1488	45000536	NGÔ THỊ KIM QUYÊN	264549097	05/06/2000	Nữ	0.25	0	D01	15.4	15.65	NV3
58	1438	02075171	PHẠM THANH HẢI	MI0200232101	27/07/2000	Nữ	0	0	C00	16	15.5	NV1
59	1455	36002760	CAO THỊ HƯƠNG LAN	233307413	15/03/2000	Nữ	0.75	0	C00	15.25	15.5	NV1
60	1456	45004718	LÊ THỊ THỦY LINH	264527675	02/04/2000	Nữ	0.25	0	C00	15.75	15.5	NV2

TT	Số giấy bảo TT	SBD	Họ tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	Điểm ĐTƯT	Điểm KVƯT	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm thi	Điểm xét tuyển sinh	Nguyên vọng TT
61	1463	49001283	BÙI NGỌC THU NGÂN	301709082	19/02/2000	Nữ	0.25	0	C00	15.75	15.5	NV1
62	1503	02059112	NGÔ NGỌC THÀNH	025830088	27/05/1999	Nam	0.25	0	C00	15.75	15.5	NV2
63	1525	02031511	TRỊNH VŨ TÙNG	025994439	29/02/2000	Nam	0	0	C00	16	15.5	NV1

TD

Danh sách này có 63 thí sinh./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



TS. Hà Xuân Hùng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH ĐHCĐ NĂM 2018

Phụ lục 12

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐỢT 1 HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUI NĂM 2018
ĐÀO TẠO TẠI CƠ SỞ II TP. HỒ CHÍ MINH (DLS) - NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH (7340101)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 176/QĐ-HĐTSDHCĐ2018 ngày 13/8/2018 của Chủ tịch HĐTSDHCĐ2018 Trường Đại học Lao động - Xã hội)

TT	Số giấy bảo TT	SBD	Họ tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	Điểm ĐTU'T	Điểm KVUT	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm thi	Điểm xét tuyển sinh	Nguyên vọng TT
1	1007	02063647	NGUYỄN THỊ THANH VÂN	026009876	12/07/2000	Nữ	0	0	A00	19.95	19.95	NV2
2	772	02030507	NGUYỄN THẾ CƯƠNG	197415712	08/08/2000	Nam	0	0	D01	19.8	19.8	NV2
3	819	48028510	NGUYỄN THỊ HỒNG HUỆ	272745248	08/10/2000	Nữ	0.75	0	A00	19	19.75	NV1
4	895	49007192	LÊ TUYẾT NHI	301741384	21/04/2000	Nữ	0.5	0	A00	19.25	19.75	NV1
5	814	48011812	LÊ TRUNG HIỀU	272742113	08/09/2000	Nam	0.5	0	A00	19.2	19.7	NV3
6	978	35009846	NGUYỄN THỊ HUỖN TRANG	212845513	19/02/2000	Nữ	0.5	0	D01	19.2	19.7	NV1
7	900	33002778	TRẦN THỊ LINH NHI	192029933	17/10/2000	Nữ	0.25	0	A00	19.4	19.65	NV3
8	1002	41011058	ĐINH THỊ HẠNH UYÊN	225690944	12/11/2000	Nữ	0.25	0	A00	19.1	19.35	NV2
9	861	47001232	TÔ THỊ MỸ LUYẾN	212585013	02/05/2000	Nữ	0.5	0	D01	18.7	19.2	NV2
10	946	02066620	ĐÀO PHẠM MINH THƯ	026000402	17/08/2000	Nữ	0	0	A00	19.1	19.1	NV4
11	994	56002694	LÊ THỊ CẨM TÚ	321765104	29/05/2000	Nữ	0.5	0	A00	18.55	19.05	NV3
12	879	37017207	HÀ THỊ TÚ NGỌC	215448411	18/10/1999	Nữ	0.25	0	D01	18.7	18.95	NV2
13	984	02056723	TRẦN THỊ THU TRANG	079199000485	23/07/1999	Nữ	0.25	0	D01	18.7	18.95	NV2
14	991	38004593	NGUYỄN VĂN TRỌNG	231162325	10/01/2000	Nam	0.75	0	A00	18.2	18.95	NV1
15	763	02020910	PHAN ĐÀM NGỌC ÁNH	034300011233	05/10/2000	Nữ	0	0	D01	18.75	18.75	NV1
16	944	41001442	NGUYỄN THỊ MỸ THƠ	225823840	26/09/2000	Nữ	0.25	0	A00	18.45	18.7	NV1
17	968	02056730	LÊ THỊ NGỌC TRÂM	079300005624	02/11/2000	Nữ	0.25	0	D01	18.45	18.7	NV2
18	915	43009366	NGUYỄN THỊ MỸ PHƯƠNG	285802794	18/12/2000	Nữ	0.75	0	A00	17.9	18.65	NV4
19	998	02053676	TÔN THỊ MỸ TUYẾN	026014036	14/11/2000	Nữ	0.25	0	D01	18.4	18.65	NV1
20	757	43000006	ĐINH THỊ KIM ANH	285776257	10/01/2000	Nữ	0.75	0	D01	17.8	18.55	NV1
21	894	33011041	LÊ THỊ NHI	192127657	20/02/2000	Nữ	0.5	0	A01	18.05	18.55	NV1
22	792	47008000	LÊ VĂN GIÀU	261418073	16/09/2000	Nam	0.75	0	A00	17.75	18.5	NV7
23	808	49008204	NGUYỄN THUY NHƯ HẢO	301678524	27/08/2000	Nữ	0.5	0	A00	17.95	18.45	NV4
24	835	02060084	VÕ TUẤN KHOA	026021928	08/01/2000	Nam	0	0	D01	18.45	18.45	NV1
25	976	02073747	LÊ GIA TRANG	312431634	23/10/2000	Nữ	0	0	A00	18.45	18.45	NV3
26	848	48024326	PHẠM MỸ LỆ	272874785	02/01/2000	Nữ	0.25	0	A00	18.15	18.4	NV1

TT	Số giấy bảo TT	SBD	Họ tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	Điểm ĐTU'T	Điểm KVU'T	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm thi	Điểm xét tuyển sinh	Nguyên vọng TT
27	917	02056392	PHAN NGOC THANH PHƯƠNG	079300003850	14/04/2000	Nữ	0.25	0	A00	18.15	18.4	NV3
28	855	43000265	VŨ THỊ TRÚC LINH	285741992	08/01/2000	Nữ	0.75	0	D01	17.55	18.3	NV2
29	905	42006392	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	251246537	03/09/2000	Nữ	0.75	0	A00	17.55	18.3	NV4
30	956	35003631	PHẠM THỊ THƯƠNG	212881975	17/10/2000	Nữ	0.75	0	A00	17.55	18.3	NV1
31	761	02055522	LÊ THỊ HỒNG ÁNH	026104390	25/04/2000	Nữ	0.25	0	A00	18	18.25	NV3
32	794	37012546	NGUYỄN THANH HẢI	215453545	08/04/2000	Nam	0.75	0	A00	17.5	18.25	NV6
33	769	37002994	LÊ VĂN CHIÊN	215491801	12/12/2000	Nam	0.5	0	A00	17.7	18.2	NV2
34	793	02029047	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG HẢI	025995493	19/09/2000	Nữ	0	0	A00	18.2	18.2	NV3
35	906	47006538	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	261610470	11/05/2000	Nữ	0.25	0	D01	17.9	18.15	NV1
36	961	35002730	VY THỊ HỒNG THỦY	212585615	21/06/2000	Nữ	0.25	0	A00	17.9	18.15	NV5
37	869	47006471	LÊ THỊ DIỄM MY	261626158	13/06/2000	Nữ	0.25	0	D01	17.85	18.1	NV1
38	873	43008451	NGUYỄN THỊ NGÀ	285724156	25/01/2000	Nữ	0.75	0	A00	17.35	18.1	NV4
39	908	51003701	VÕ THỊ KIM OANH	352491551	11/02/2000	Nữ	0.75	0	A00	17.35	18.1	NV1
40	825	02057248	ĐÀO QUANG HUY	035200000852	13/01/2000	Nam	0.25	0	D01	17.8	18.05	NV2
41	933	47011408	NGUYỄN MINH SÁNG	261630225	05/10/2000	Nam	0.25	0	D01	17.8	18.05	NV1
42	889	56002561	CÁ THỊ XUÂN NHI	321762206	19/02/2000	Nữ	0.5	0	A00	17.45	17.95	NV2
43	892	52004103	ĐOÀN HỒNG KHÁNH NHI	077300002174	23/02/2000	Nữ	0.25	0	D01	17.7	17.95	NV1
44	897	43008483	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	285831713	08/03/2000	Nữ	0.75	0	A00	17.2	17.95	NV5
45	799	46007722	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	072300000562	26/04/2000	Nữ	0.5	0	A00	17.4	17.9	NV1
46	811	02056204	PHẠM NGUYỄN TƯỚNG HẬU	026045813	14/11/2000	Nữ	0.25	0	D01	17.65	17.9	NV1
47	854	02030794	VŨ THỊ LINH	026300003757	15/05/2000	Nữ	0	0	A00	17.9	17.9	NV2
48	954	46008112	PHẠM TRUNG THUẬT	072200000591	03/09/2000	Nam	0.5	0	A00	17.4	17.9	NV3
49	813	28003324	NGUYỄN THỊ THANH HIỀN	038300008425	25/02/2000	Nữ	0.25	0	D01	17.55	17.8	NV2
50	821	42005936	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	251171134	14/02/2000	Nữ	0.75	0	D01	17.05	17.8	NV2
51	841	02037133	LÊ THỊ THIÊN KIỀU	212846579	15/01/2000	Nữ	0	0	D01	17.8	17.8	NV1
52	788	02073251	TRẦN MINH DƯƠNG	079200008490	19/05/2000	Nam	0	0	A00	17.7	17.7	NV2
53	995	34012027	VÕ THỊ ÁNH TÚ	206351359	12/02/2000	Nữ	0.5	0	D01	17.2	17.7	NV4
54	996	26020931	VŨ ĐÌNH TUẤN	034200013620	23/07/2000	Nam	0.5	0	A00	17.2	17.7	NV3
55	795	42003819	TRẦN THỊ THU HÀ	251221235	24/12/2000	Nữ	0.75	0	D01	16.9	17.65	NV6
56	827	02073375	NGUYỄN VŨ THANH HUYỀN	025857866	05/03/1999	Nữ	0	0	D01	17.65	17.65	NV2
57	945	02031320	LƯU THỊ MỘNG THU	385801772	07/04/2000	Nữ	0	0	A01	17.65	17.65	NV1
58	767	02028948	NGUYỄN THỊ YẾN BÌNH	026044641	06/12/2000	Nữ	0	0	A00	17.6	17.6	NV1
59	862	48009081	LÊ THỊ CẨM LY	272746831	07/03/2000	Nữ	0.25	0	D01	17.35	17.6	NV1
60	887	46006863	ĐOÀN HỒ KIM NHAN	072300001573	14/10/2000	Nữ	0.5	0	D01	17.1	17.6	NV1

TT	Số giấy bảo TT	SBD	Họ tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	Điểm ĐTU'T	Điểm KVU'T	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm thi	Điểm xét tuyển sinh	Nguyễn vọng TT
61	925	35008881	NGÔ THỊ HỒNG QUYẾN	212813729	04/01/2000	Nữ	0.5	0	A00	17.1	17.6	NV1
62	931	46006248	NGUYỄN THỊ THÚY QUỲNH	291213350	17/10/2000	Nữ	0.75	0	A00	16.85	17.6	NV1
63	966	35009840	NGUYỄN ĐÌNH TOÀN	212850991	06/09/2000	Nam	0.5	0	A00	17.05	17.55	NV1
64	805	37008080	TRẦN THỊ MỸ HẠNH	215507456	19/12/2000	Nữ	0.5	0	D01	17	17.5	NV3
65	926	46005054	NGUYỄN HỒNG NGỌC QUYẾN	072300001725	02/05/2000	Nữ	0.5	0	D01	17	17.5	NV1
66	930	02056442	NGUYỄN THỊ QUỲNH	034300011744	06/04/2000	Nữ	0.25	0	D01	17.25	17.5	NV2
67	943	02058492	PHẠM TRẦN THANH THẢO	026044034	29/07/2000	Nữ	0.25	0	D01	17.25	17.5	NV2
68	952	47000721	HUỶNH TẤN THUẬN	261630020	23/02/2000	Nam	0.25	0	A00	17.25	17.5	NV1
69	993	02058608	NGUYỄN THỊ THANH TRÚC	026082919	25/07/2000	Nữ	0.25	0	D01	17.25	17.5	NV1
70	823	48010809	NGUYỄN HOÀNG THỊ MAI HƯỜNG	272873406	06/01/2000	Nữ	0.75	0	D01	16.65	17.4	NV4
71	1000	02051410	LÊ TRẦN THANH TUYẾN	079300002490	21/10/2000	Nữ	0.25	0	A00	17.15	17.4	NV1
72	804	43009614	THÁI THỊ HẠNH	285822875	20/03/2000	Nữ	0.5	0	D01	16.85	17.35	NV1
73	837	02057333	VŨ TÙNG KIẾN	285776312	27/09/2000	Nam	0.25	0	A00	17.1	17.35	NV8
74	866	42011539	HỒ QUANG MINH	251238970	06/03/2000	Nam	0.75	0	D01	16.6	17.35	NV6
75	935	02043900	NGUYỄN BẢO HOÀNG TÂN	025896036	31/03/2000	Nam	0	0	A01	17.35	17.35	NV2
76	777	02057700	VÕ THÀNH ĐẠT	026011603	20/01/2000	Nam	0.25	0	D01	17.05	17.3	NV2
77	936	47006633	KHÚC VŨ THANH	341973145	15/01/2000	Nam	0.25	0	D01	17.05	17.3	NV1
78	818	37014746	NGUYỄN NGỌC HUỆ	215518827	07/03/2000	Nữ	0.75	0	D01	16.5	17.25	NV1
79	847	02056251	TRẦN PHẠM NHƯ LÀNH	079300003961	31/10/2000	Nữ	0.25	0	D01	17	17.25	NV1
80	949	53006228	NGUYỄN BÙI ANH THƯ	312424280	20/07/2000	Nữ	0.5	0	D01	16.75	17.25	NV2
81	990	46002811	VÕ THỊ TÚ TRINH	291215288	18/12/1999	Nữ	0.75	0	A00	16.5	17.25	NV6
82	1004	40019605	PHAN LÂM THU UYÊN	241829240	23/11/2000	Nữ	0.75	0	D01	16.5	17.25	NV4
83	1014	41011514	HUỶNH THỊ ÁI VY	225684789	28/01/2000	Nữ	0.25	0	D01	17	17.25	NV2
84	860	39004248	NGUYỄN THỊ LUYẾN	221508921	20/03/2000	Nữ	0.5	0	D01	16.7	17.2	NV4
85	886	02029292	TRẦN THỊ MỸ NGUYỄN	025994932	16/03/2000	Nữ	0	0	D01	17.2	17.2	NV1
86	980	02056712	NGUYỄN THỊ THU TRANG	079300009966	22/03/2000	Nữ	0.25	0	D01	16.9	17.15	NV4
87	983	24002521	NGUYỄN THU TRANG	001300021552	14/07/2000	Nữ	0.5	0	D01	16.6	17.1	NV6
88	988	46003816	ĐƯƠNG THỊ MỘNG TRINH	072300002155	14/09/2000	Nữ	0.5	0	A00	16.5	17	NV5
89	783	02057652	ĐƯƠNG THỊ DUNG	025300000110	15/02/2000	Nữ	0.25	0	D01	16.7	16.95	NV3
90	790	02057664	LÊ QUANG DUY	070099000051	24/10/1999	Nam	0.25	0	D01	16.7	16.95	NV1
91	888	02057512	NGUYỄN CAO NHẢN	026082741	05/02/2000	Nam	0.25	0	A00	16.7	16.95	NV1
92	948	53012751	LÊ THỊ ANH THƯ	312400727	30/03/2000	Nữ	0.25	0	D01	16.7	16.95	NV1
93	1020	55004014	TRẦN THỊ NHƯ Ý	092300006461	01/06/2000	Nữ	0	0	D01	16.95	16.95	NV1
94	840	50009789	HUỶNH THỊ THUÝ KIỀU	341984996	29/01/2000	Nữ	0.5	0	D01	16.4	16.9	NV1

TT	Số giấy bảo TT	SBD	Họ tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	Điểm ĐTU'T	Điểm KVU'T	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm thi	Điểm xét tuyển sinh	Nguyên vọng TT
95	928	02021537	NGUYỄN NGỌC NHƯ QUỲNH	026062945	06/06/2000	Nữ	0	0	A00	16.9	16.9	NV5
96	1001	35009479	CAO NGUYỄN THU UYÊN	212815932	30/12/2000	Nữ	0.5	0	D01	16.4	16.9	NV4
97	782	02029743	NGUYỄN MINH ĐỨC	079200011702	05/12/2000	Nam	0	0	A00	16.85	16.85	NV1
98	842	37002438	NGUYỄN THỊ THÚY KIỀU	215481835	04/06/2000	Nữ	0.25	0	A00	16.6	16.85	NV3
99	859	43000273	NGUYỄN VIỆT LONG	285743631	02/09/2000	Nam	0.75	0	A00	16.1	16.85	NV2
100	918	02057800	TRẦN THỊ MINH PHƯƠNG	191967431	07/06/2000	Nữ	0.25	0	A00	16.6	16.85	NV2
101	982	38006899	NGUYỄN THỊ THÚY TRANG	231351186	16/06/2000	Nữ	0.75	0	D01	16.1	16.85	NV2
102	1006	02065990	TÙ THỰC UYÊN	079300010476	16/08/2000	Nữ	0	1	D01	15.85	16.85	NV3
103	1017	60003527	VÕ MỸ XUYỀN	385788629	10/02/2000	Nữ	0.5	0	D01	16.31	16.81	NV2
104	881	02057493	PHẠM THỊ BÍCH NGỌC	030300008696	15/09/2000	Nữ	0.25	0	D01	16.55	16.8	NV1
105	884	48007708	NGUYỄN THẢO NGUYỄN	272788559	19/06/2000	Nữ	0.25	0	A01	16.55	16.8	NV1
106	921	02029375	TRẦN NGUYỄN MINH PHƯƠNG	025994824	04/12/2000	Nữ	0	0	A00	16.8	16.8	NV4
107	939	43009401	SÚ TIẾN THÀNH	285804269	26/12/2000	Nam	0.75	0	D01	16.05	16.8	NV5
108	951	02038772	VÕ NGỌC ANH THƯ	025975327	13/05/2000	Nữ	0	0	A00	16.8	16.8	NV1
109	992	02058046	LÊ THANH TRÚC	026082756	03/12/2000	Nữ	0.25	0	D01	16.55	16.8	NV1
110	1018	39006993	PHẠM THỊ HỒNG XUYỀN	221468936	05/08/2000	Nữ	0.5	0	D01	16.3	16.8	NV1
111	758	41003388	NGUYỄN NGỌC TUYẾT ANH	225718477	15/03/2000	Nữ	0.5	0	A00	16.25	16.75	NV1
112	798	02055695	LÝ GIA HÂN	079300000993	02/09/2000	Nữ	0.25	0	D01	16.5	16.75	NV2
113	877	02036618	NGÔ NGUYỄN KIM NGÂN	025903886	25/10/2000	Nữ	0	0	D01	16.75	16.75	NV1
114	932	02053029	TRẦN THỊ DIỄM QUỲNH	034300004867	27/12/2000	Nữ	0.25	0	D01	16.5	16.75	NV1
115	941	35008929	PHẠM THỊ THANH THẢO	212816124	27/01/2000	Nữ	0.5	0	A00	16.25	16.75	NV2
116	962	02063452	NGUYỄN THỊ THANH THY	051300000052	16/07/2000	Nữ	0	0	A00	16.75	16.75	NV1
117	975	02029510	HOÀNG THỊ KIỀU TRANG	034300010491	05/12/2000	Nữ	0	1	A00	15.75	16.75	NV1
118	778	02065006	NGUYỄN CẢNH DIỆC	026066831	28/08/2000	Nam	0	1	A00	15.7	16.7	NV1
119	800	02029781	NÔNG THỊ THU HẰNG	026044409	23/07/2000	Nữ	0	1	A00	15.7	16.7	NV1
120	955	02058548	NGUYỄN THUY HOÀI THƯƠNG	025820928	26/09/1999	Nữ	0.25	0	D01	16.45	16.7	NV1
121	802	35008617	TRẦN NGUYỄN THÚY HẰNG	212819938	18/09/2000	Nữ	0.5	0	D01	16.15	16.65	NV1
122	807	37007615	CAO THỊ HIỀN HẢO	215507146	26/08/2000	Nữ	0.5	0	A00	16.15	16.65	NV4
123	816	02037900	LÊ HOÀI	025995673	18/07/2000	Nam	0	0	A01	16.65	16.65	NV3
124	970	02067750	NGUYỄN THỊ MAI TRÂM	083300000079	21/02/2000	Nữ	0	0	D01	16.65	16.65	NV1
125	838	35008698	NGUYỄN THỊ KIM KIỂNG	212813971	08/05/2000	Nữ	0.5	0	D01	16.1	16.6	NV1
126	867	46000360	BÙI THẢO MY	072300001819	14/09/2000	Nữ	0.25	0	D01	16.35	16.6	NV2
127	870	35006611	NGUYỄN BÙI THỊ DIỄM MY	212881784	27/02/2000	Nữ	0.5	0	A00	16.1	16.6	NV1
128	934	37007854	ĐỖ XUÂN SƠN	215502465	01/02/2000	Nữ	0.75	0	D01	15.85	16.6	NV2

TT	Số giấy bảo TT	SBD	Họ tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	Điểm ĐTU'T	Điểm KVU'T	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm thi	Điểm xét tuyển sinh	Nguyện vọng TT
129	1012	48003470	TRƯƠNG PHAN ANH VŨ	272769262	08/02/2000	Nữ	0.25	0	D01	16.3	16.55	NV1
130	773	39003335	NGUYỄN CHỈ CƯỜNG	221491211	28/11/2000	Nam	0.5	0	D01	16	16.5	NV3
131	774	02057686	LÊ HOÀNG ĐAN	051200000008	10/07/2000	Nam	0.25	0	D01	16.25	16.5	NV2
132	781	35012290	VÕ THỊ KIM ĐIẾP	212810899	07/05/1999	Nữ	0.5	0	D01	16	16.5	NV1
133	965	48013238	NGUYỄN HỒNG THUÝ TIÊN	272770008	19/10/2000	Nữ	0.5	0	A00	16	16.5	NV1
134	822	02057284	PHẠM THỊ THU HƯƠNG	036300003239	22/07/2000	Nữ	0.25	0	D01	16.2	16.45	NV3
135	843	37007701	NGUYỄN THỊ THÚY KIỀU	215530494	21/05/2000	Nữ	0.5	0	D01	15.95	16.45	NV8
136	874	35002560	ĐÌNH THỊ NGÂN	212620898	20/10/2000	Nữ	0.25	0	A00	16.2	16.45	NV2
137	882	02062893	ĐÌNH VĂN NGUYỄN	038200008740	17/11/2000	Nam	0	0	D01	16.4	16.4	NV1
138	959	02056616	VÕ THANH THÚY	079300010127	06/08/2000	Nữ	0.25	0	D01	16.15	16.4	NV2
139	833	02066296	NGUYỄN HUỶNH CÔNG KHANH	079200011158	03/10/2000	Nam	0	0	A00	16.35	16.35	NV1
140	776	02066698	HUỶNH CHẤN ĐẠT	026053596	18/02/2000	Nam	0	0	D01	16.3	16.3	NV2
141	791	02066171	HÀ THỊ MỸ DUYÊN	026108376	29/04/2000	Nữ	0	0	D01	16.25	16.25	NV1
142	865	39005647	TRƯƠNG Ý LY	221492879	24/05/2000	Nữ	0.5	0	D01	15.75	16.25	NV1
143	919	02058430	GIANG NHẬT PHƯƠNG	079199002908	06/10/1999	Nữ	0.25	0	D01	16	16.25	NV3
144	924	35003584	PHẠM THANH QUỶ	212589717	21/02/2000	Nam	0.75	0	D01	15.5	16.25	NV2
145	971	49007489	PHAN THỊ BÍCH TRÂM	301741388	23/11/2000	Nữ	0.5	0	A00	15.75	16.25	NV1
146	768	46000818	CAO BẢO CHÂU	072300001292	12/07/2000	Nữ	0.25	0	D01	15.95	16.2	NV2
147	977	02031400	LÊ VŨ THÙY TRANG	026044946	02/04/2000	Nữ	0	0	D01	16.2	16.2	NV1
148	852	02043651	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	001300014646	17/05/2000	Nữ	0	0	D01	16.15	16.15	NV3
149	883	02058337	NGUYỄN CAO THẢO NGUYỄN	321597066	05/06/2000	Nữ	0.25	0	D01	15.9	16.15	NV1
150	896	02057526	NGUYỄN MAI YÊN NHI	075300000105	06/08/2000	Nữ	0.25	0	D01	15.9	16.15	NV1
151	972	39006927	PHAN THỊ HOÀI TRÂM	221468911	02/11/2000	Nữ	0.5	0	D01	15.65	16.15	NV1
152	986	21004138	LÊ VĂN TRIỀU	030200001324	07/11/2000	Nam	0.5	0	D01	15.65	16.15	NV1
153	989	02058597	NGUYỄN THỊ LỆ TRINH	079199002088	14/05/1999	Nữ	0.25	0	D01	15.9	16.15	NV2
154	1008	02014894	TRẦN LỆ VĂN	079300004454	02/11/2000	Nữ	0	1	D01	15.15	16.15	NV3
155	771	02057041	NGUYỄN BÁ CHUNG	026104091	12/04/2000	Nam	0.25	0	D01	15.85	16.1	NV2
156	803	02057158	LÊ BÀ NGỌC HẠNH	285783726	27/02/2000	Nữ	0.25	0	D01	15.85	16.1	NV1
157	904	02050561	TRẦN THỊ HUỶNH NHƯ	381938394	02/02/2000	Nữ	0.25	0	D01	15.85	16.1	NV1
158	981	02058569	NGUYỄN THỊ THU TRANG	079199002404	20/05/1999	Nữ	0.25	0	D01	15.85	16.1	NV3
159	1003	02031530	NGUYỄN PHƯƠNG UYÊN	025994893	04/11/2000	Nữ	0	0	A00	16.1	16.1	NV2
160	764	56005122	TRƯƠNG THỊ MỸ ÁNH	321753152	15/08/2000	Nữ	0.75	0	A00	15.3	16.05	NV2
161	1011	47005564	NGUYỄN XUÂN VỌNG	261516406	29/08/2000	Nam	0.5	0	D01	15.55	16.05	NV3
162	787	21005481	NGUYỄN THỊ THUỶ DƯƠNG	030300004706	18/11/2000	Nữ	0.5	0	D01	15.5	16	NV1

TT	Số giấy báo TT	SBD	Họ tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	Điểm ĐTƯT	Điểm KVƯT	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm thi	Điểm xét tuyển sinh	Nguyên vọng TT
163	909	32005134	LÊ THỊ HỒNG PHÂN	197405544	28/02/2000	Nữ	0.5	0	D01	15.5	16	NV2
164	910	39005719	LÊ ĐỨC PHÚ	221492946	26/06/2000	Nam	0.5	0	D01	15.5	16	NV3
165	967	02029523	LÊ THỊ BÍCH TRÂM	079300011489	29/04/2000	Nữ	0	0	D01	16	16	NV3
166	997	02030349	HUỶNH THANH TÙNG	025990246	01/10/2000	Nam	0	0	D01	16	16	NV1
167	1009	52000402	TRẦN THANH VÂN	091199000037	20/03/1999	Nữ	0.5	0	A00	15.5	16	NV4
168	1021	49005845	NGÔ THỊ NGỌC YÊN	301732160	01/09/2000	Nữ	0.5	0	D01	15.5	16	NV2

(Handwritten mark)

Danh sách này có 168 thí sinh./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



TS. Hà Xuân Hùng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH ĐHCĐ NĂM 2018

Phụ lục 13

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐỢT 1 HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUI NĂM 2018
ĐÀO TẠO TẠI CƠ SỞ II TP. HỒ CHÍ MINH (DLS) - NGÀNH BẢO HIỂM (7340204)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 176/QĐ-HĐTSDHCĐ2018 ngày 15/8/2018 của Chủ tịch HĐTSDHCĐ2018 Trường Đại học Lao động - Xã hội)

TT	Số giấy bảo TT	SBD	Họ tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	Điểm ĐTUT	Điểm KVUT	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm thi	Điểm xét tuyển sinh	Nguyện vọng
1	79	02037576	HUỖNH TRẦN THANH VY	025981403	07/03/2000	Nữ	0	1	D01	19.1	20.1	NV
2	46	38005493	NGUYỄN HỒ KIM OANH	231304603	01/10/2000	Nữ	0.75	0	A00	19.1	19.85	NV
3	39	53006096	NGUYỄN THỊ NGỌC MỸ	312436198	07/11/2000	Nữ	0.5	0	D01	18.9	19.4	NV
4	27	53009998	NGUYỄN VĂN KHA	312442598	13/08/2000	Nam	0.5	0	A00	17.55	18.05	NV
5	36	56009945	TRƯƠNG THỊ KIỀU MI	321612461	04/04/2000	Nữ	0.5	0	A01	17.15	17.65	NV
6	61	54008792	CAO ANH THƯ	371920123	11/01/2000	Nữ	0.25	0	A00	17.35	17.6	NV
7	34	37010882	NGUYỄN THỊ MAI	215523082	20/09/2000	Nữ	0.5	0	D01	16.9	17.4	NV
8	44	53012593	TRƯƠNG THỊ HỒNG NHUNG	312433479	14/12/2000	Nữ	0.75	0	D01	16.6	17.35	NV
9	50	51010125	NGUYỄN BÙI THỊ NHƯ QUỲNH	352520346	03/01/2000	Nữ	0.25	0	D01	17.1	17.35	NV
10	18	50004498	TRỊNH HUỖNH NGỌC HẠNH	342041596	16/07/2000	Nữ	0.25	0	D01	17	17.25	NV
11	6	02052722	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	026080659	27/10/2000	Nữ	0.25	0	D01	16.65	16.9	NV
12	76	43007347	KHÚC THỊ THANH TUYỀN	285746409	21/06/2000	Nữ	0.75	0	A00	15.6	16.35	NV
13	29	28001265	NGUYỄN HÀ LÊ	038300001866	07/12/2000	Nữ	0.25	0	D01	16.05	16.3	NV
14	45	02058396	HỒ THỊ OANH	026082954	13/05/2000	Nữ	0.25	0	D01	16	16.25	NV
15	68	38004587	TRỊNH THỊ TRIỀU	231255087	15/10/2000	Nữ	0.75	0	D01	15.3	16.05	NV
16	69	02067046	DƯƠNG THỊ ĐAN TRINH	334948413	12/10/2000	Nữ	0	0	D01	16.05	16.05	NV
17	3	49008364	TRẦN THỊ QUẾ ANH	301758642	20/12/2000	Nữ	0.5	0	D01	15.35	15.85	NV
18	28	02030768	DƯƠNG THỊ HOÀI LAN	025904952	07/05/2000	Nữ	0	0	D01	15.85	15.85	NV
19	63	02053615	NGUYỄN THỊ CẨM TIỀN	026014471	28/08/2000	Nữ	0.25	0	D01	15.6	15.85	NV
20	31	35006067	NGUYỄN THỊ THANH LỢI	212435405	17/10/2000	Nữ	0.5	0	A00	15.3	15.8	NV
21	56	02030167	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	125887351	31/12/2000	Nữ	0	0	D01	15.75	15.75	NV
22	55	53006655	LÊ HỮU THÀNH	312408775	20/02/2000	Nam	0.5	0	A00	15.2	15.7	NV
23	74	02037480	NGUYỄN ANH TUẤN	025996441	02/12/2000	Nam	0	1	D01	14.7	15.7	NV
24	5	02057604	VÕ THỊ HỒNG ANH	079300005809	03/07/2000	Nữ	0.25	0	D01	15.35	15.6	NV
25	73	02029552	CAO DUY TRƯỜNG	025995561	24/03/2000	Nam	0	0	A00	15.6	15.6	NV
26	12	02057117	NGUYỄN HỒNG ĐIẾP	026009864	22/02/2000	Nữ	0.25	0	D01	15.3	15.55	NV
27	37	02073490	LÝ NGỌC BẢO MINH	025905549	17/10/1999	Nam	0	0	A00	15.25	15.25	NV

TT	Số giấy bảo TT	SBD	Họ tên	CMND	Ngày sinh	Giới tính	Điểm ĐTUT	Điểm KVUT	Tổ hợp môn xét	Tổng điểm thi	Điểm xét tuyển sinh	Nguyện vọng T
28	17	02053842	NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH	026081609	07/07/2000	Nữ	0.25	0	D01	14.95	15.2	NV1
29	60	35004850	TRẦN THỊ BÍCH THU	212881309	21/02/2000	Nữ	0.25	0	D01	14.9	15.15	NV1
30	8	02030492	CHÂU ANH CÁT	026011787	08/10/2000	Nam	0	0	A01	15.1	15.1	NV3
31	78	02003892	ĐINH THÚY VY	025918311	31/10/1998	Nữ	0	1	D01	14.1	15.1	NV1
32	58	02073020	TRẦN THỊ ANH THƠ	022623959	09/11/1971	Nữ	0	1	A00	14	15	NV4
33	59	02054806	PHAN MINH THỌ	026080180	01/04/2000	Nam	0.25	0	D01	14.6	14.85	NV2
34	62	46000661	LƯU HÀ PHƯƠNG THÚY	072300001257	13/05/2000	Nữ	0.25	0	D01	14.6	14.85	NV1
35	57	02058490	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	026044649	04/12/2000	Nữ	0.25	0	D01	14.55	14.8	NV3
36	52	47004269	NGUYỄN GIANG SƠN	261563208	24/07/2000	Nam	0.75	0	A00	14	14.75	NV1
37	10	53011066	NGUYỄN THỊ LAN CHI	026054398	27/12/2000	Nữ	0.5	0	A00	14.2	14.7	NV2
38	20	02053271	ĐẶNG THỊ THU HIỀN	026080094	22/11/2000	Nữ	0.25	0	D01	14.4	14.65	NV4
39	77	02053693	LÂM QUỐC VIỆT	025963206	20/08/2000	Nam	0.25	0	D01	14.25	14.5	NV2
40	66	02073753	HUỲNH NGUYỄN MAI TRÂM	261465022	16/08/1999	Nữ	0	0	D01	14.45	14.45	NV2
41	35	02029231	NGUYỄN THỊ NHƯ MAI	321718174	29/01/2000	Nữ	0	0	D01	14.3	14.3	NV3
42	41	56000721	HỒ HOÀI NGỌC	321605456	22/01/2000	Nam	0.25	0	A00	14.05	14.3	NV3
43	51	51014669	TRẦN THỊ DIỄM QUỲNH	352551235	04/10/2000	Nữ	0.5	0	D01	13.75	14.25	NV2
44	1	02077181	NGUYỄN KIM ÁI	026083218	19/04/2000	Nữ	0.25	0	A00	13.9	14.15	NV1

Danh sách này có 44 thí sinh./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



TS. Hà Xuân Hùng

